

BIỂU TỔNG HỢP THỐNG KẾ SỐ LIỆU
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM 06 THÁNG NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày /06/2025 của Sở Y Tế)

	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH		
1	Tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn		
	- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm hiện có trên địa bàn	Cơ sở	3.914
	Trong đó:		
	+ Cơ sở lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, nhà cho thuê,...)	Cơ sở	570
	+ Nhà hàng karaoke & cơ sở massage	Cơ sở	125
	+ Vũ trường+ quán bar	Cơ sở	1
	+ Loại hình khác (quán bia, nhà hàng ăn uống, quán cà phê, cắt tóc gội đầu thư giãn, ...)	Cơ sở	3.218
	- Số cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra tệ nạn mại dâm tại cơ sở	Cơ sở	2.695
	- Số nhân viên làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh TNMD	Người	6.351
	Trong đó:		
	+ Số nhân viên có hợp đồng lao động	Người	2.470
	+ Số nhân viên là nữ giới	Người	3.387
	+ Số nhân viên là người ngoại tỉnh	Người	476
	+ Số nhân viên nữ dưới 18 tuổi	Người	18
2	Tình hình các ổ nhóm, tụ điểm, địa bàn có dấu hiệu hoạt động MD nơi công cộng		
	- Số tụ điểm, địa bàn phức tạp về tệ nạn mại dâm	Tụ điểm	3
3	Người bán dâm ước tính		
	- Tổng số người nghi bán dâm ước tính hiện nay		40
4	Người bán dâm được thống kê qua hồ sơ xử phạt hành chính của cơ quan có thẩm quyền		
	- Tổng số người bán dâm thống kê được		2
	Trong đó:		0
	+ Số là người ngoại tỉnh	Người	0
	+ Số là người dưới 18 tuổi	Người	0
II	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCMD		
1	Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCMD		
	- Số cuộc truyền thông về công tác phòng chống mại dâm tại cộng đồng	Cuộc	65
	- Số người tham gia các buổi truyền thông về công tác PCMD tại cộng đồng	Người	32.850
	- Số panô, áp phích, tờ rơi...được thực hiện về công tác PCMD tại cộng đồng	Panô, áp phích, tờ rơi	1.235
	- Tỷ lệ % số xã, phường, thị trấn tổ chức ít nhất 1 hình thức tuyên truyền về phòng ngừa mại dâm	%	100
	+ Số người lao động tại cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, kiến thức về phòng, chống tệ nạn mại dâm	Người	6.863

	+ Số người lao động trong các khu công nghiệp được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, kiến thức về phòng, chống tệ nạn mại dâm.	Người	16.125
	+ Số học sinh, sinh viên các Trường THCS, THPT, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, kiến thức về phòng, chống tệ nạn mại dâm.	Người	9.862
2	Hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình có liên quan tại địa bàn cơ sở		
	Các chương trình đã lồng ghép phát triển kinh tế - xã hội	Có hoặc không	Có
	+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội	Có hoặc không	Có
	+ Chương trình an sinh xã hội	Có hoặc không	Có
	+ Chương trình bảo trợ xã hội	Có hoặc không	
	+ Chương trình phòng, chống ma túy	Có hoặc không	Có
	+ Chương trình về dạy nghề, tìm việc làm, hỗ trợ vay vốn, giảm nghèo	Có hoặc không	Có
	+ Các chương trình khác	Có hoặc không	
3	Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành 178/CP		
	Tổng số Đội kiểm tra liên ngành PCMD tại địa phương	Đội	14
	Trong đó: - Cấp tỉnh	Đội	1
	- Cấp huyện	Đội	13
	Số lượng thành viên Đội kiểm tra liên ngành	Người	112
	Trong đó: - Số thành viên thuộc Đội cấp tỉnh	Người	8
	- Số thành viên thuộc Đội cấp huyện	Người	104
	- Tổng số cơ sở kiểm tra trong kỳ	Cơ sở	33
	- Tổng số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về PCMD	Cơ sở	0
	Trong đó:		0
	+ Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh	Cơ sở	0
	+ Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh	Cơ sở	0
	+ Số cơ sở bị cảnh cáo, nhắc nhở	Cơ sở	0
	+ Số cơ sở bị phạt tiền	Cơ sở	0
	* Số tiền phạt	Triệu đồng	0
	+ Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung	Cơ sở	0
	- Tỷ lệ % số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh TNMD được kiểm tra trên địa bàn	%	0,60
4	Đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến mại dâm		
	- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Cuộc	0
	- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV	Cuộc	1
	- Tổng số người vi phạm	Người	6
	Trong đó:		0
	+ Số người mua dâm	Người	2
	+ Số người bán dâm	Người	2
	+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Người	0
	+ Số chủ chứa, môi giới	Người	2
	- Số người bị xử lý vi phạm hành chính	Người	4
	Trong đó:		0
	+ Số người mua dâm	Người	2
	+ Số người bán dâm	Người	2

	+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Người	0
	+ Số chủ chứa, môi giới	Người	2
	+ Số người bị xử lý hình sự	Người	2
	+ Số lượt tố cáo, tin báo, khiếu nại hành vi vi phạm pháp luật về PCMD được tiếp nhận, xác minh, phân loại, xử lý.	Người	30
5	Hoạt động can thiệp giảm tác hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong PCMD và hòa nhập cộng đồng cho người thân		0
	- Số người bán dâm có nhu cầu tiếp nhận các dịch vụ hỗ trợ xã hội, hòa nhập cộng đồng	Người	0
	- Tổng số đối tượng được hỗ trợ		
	Trong đó:		0
	+ Số được hỗ trợ giáo dục.	Người	0
	+ Số được tư vấn, trợ giúp pháp lý	Người	0
	+ Số được vay vốn	Người	0
	+ Số tiền mà người bán dâm được vay	triệu đồng	0
	+ Số được tạo việc làm		0
	+ Số được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe	Người	0
	+ Số được cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV		0
	- Số người bán dâm được tham gia sinh hoạt câu lạc bộ đồng đẳng, các nhóm tự lực ...	Người	0
	- Tổng số mô hình được xây dựng, duy trì.		
	(1). MH cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng, TTCTXH	Số lượng	0
	(2). MH hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở KDDV để phát sinh TNMD	Số lượng	0
	(3). MH hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực giới	Số lượng	0
	(4) MH khác: ghi rõ		
	- Số huyện xây dựng, triển khai mô hình PCMD	Huyện	0
	- Tỷ lệ % địa bàn huyện thuộc tỉnh xây dựng, triển khai mô hình PCMD	Huyện	0
6	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm		
	- Số cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm ở địa phương	Người	1.267
	- Số cán bộ được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về công tác PCMD	Lượt người	600
III	KINH PHÍ		
	Tổng kinh phí được bố trí năm 2025	Triệu đồng	90
	Trong đó:		
	+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương	Triệu đồng	0
	+ Kinh phí bố trí từ ngân sách địa phương	Triệu đồng	90
	+ Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	Triệu đồng	0
	- Nhu cầu kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình	Triệu đồng	600